

Bản án số: **305/2023/HS-PT**

Ngày: 31-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tấn Hoàng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào

Ông Lê Phước Thanh

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Quách Đức D - Kiểm sát viên.

Vào ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 263/2023/TLPT-HS ngày 31 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Đình T, Hồ Văn Tr về tội “Buôn lậu”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2023/HS-ST ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Đình T, sinh năm 1972 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: 6/48 đường số 12 (nay là đường số 14A), khu phố 25, phường B A, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: sửa chữa điện lạnh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Đ và bà Nguyễn Thị L; có vợ (Bùi Thị S, đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 15/10/2021, (có mặt).

2. Hồ Văn Tr, sinh năm 1979 tại Bình Định; nơi cư trú: K65/18/49 đường số 5, khu phố 6, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: kinh doanh tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn T1 và bà Lê Thị Tr1; có vợ (Huỳnh Thị Quyên Q) và 04 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 26/8/2022 đến ngày 13/01/2023 được tại ngoại (có mặt).

- Những người tham gia tố tụng khác:

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình T: Bà Lê Thị Hồng T2, Luật sư

của Công ty Luật TNHH LC, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn Tr:* Ông Trần Xuân H1, Luật sư của Công ty Luật TNHH T3, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trước đây Hồ Văn Tr và Nguyễn Đình T kinh doanh hàng điện tử, điện lạnh đã qua sử dụng của nước ngoài nhập lậu vào Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh. Khi các lực lượng chức năng tăng cường công tác kiểm tra, xử lý, nên Tr và T chuyển hướng nhập khẩu các mặt hàng này từ nước ngoài vào Việt Nam qua Cảng Đà Nẵng sau đó trung chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương để tiêu thụ.

Khoảng tháng 5/2017, Nguyễn Đình T gặp Nguyễn Quang D và đặt vấn đề nhờ D tìm doanh nghiệp đứng ra làm thủ tục nhập khẩu hàng điện tử, điện lạnh đã qua sử dụng từ nước ngoài về Việt Nam để tiêu thụ, D nhận lời. Hai bên thỏa thuận, mỗi container nhập về sẽ trả công cho D 40 triệu đồng, còn chi phí nộp thuế, vận chuyển bên T chịu. Nguyễn Quang D đưa Nguyễn Đình T đến Công ty TNHH F gặp Đinh Hải T3 để trao đổi, thỏa thuận về thuê kho sang hàng và vận chuyển container từ Cảng về kho của Cty TNHH F để sang hàng.

Khoảng tháng 6/2017, Nguyễn Quang D rủ bạn là Lê Bảo Hoài L1 làm thủ tục thành lập các doanh nghiệp Công ty TNHH May HDP và Công ty TNHH May GD để cung cấp thông tin doanh nghiệp cho T và Tr làm thủ tục nhập hàng, còn L1 tham gia một số thủ tục nhập khẩu khác. Sau khi được D thông báo đã thành lập được các doanh nghiệp để làm pháp nhân nhập lậu hàng điện tử và điện lạnh đã qua sử dụng từ L1. Tại Đà Nẵng, Tr và T gọi Lê Viết V là nhân viên của Tr trước đây, đang ở quê Quảng Nam để chăm sóc cha bị bệnh. Tr nói với V là Tr nhập hàng điện tử và điện lạnh đã qua sử dụng (còn gọi là hàng bãi nội địa) từ nước ngoài về Việt Nam qua cảng Đà Nẵng, sau đó chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh tiêu thụ, do V là người có kinh nghiệm trong việc quản lý và chọn hàng điện tử và điện lạnh đã qua sử dụng nên Tr giao nhiệm vụ cho V thực hiện việc kiểm tra và ghi chép số lượng, chủng loại hàng, sắp xếp, giao hàng cho người mua theo yêu cầu của Tr, hàng tháng Tr trả công cho V 6.000.000 đồng V đồng ý. Sau đó T đưa V đến gặp Đinh Hải T3 để giới thiệu với T3, V là người của T, khi hàng nhập về thì V là người thay mặt T nhận hàng.

Khi hàng được nhập về Việt Nam, hãng tàu gửi vận đơn (Bill of Lading) và hóa đơn (Invoice) đến hộp thư điện tử của D. D chuyển thông tin cho Đinh Hải T3 làm thủ tục khai Hải quan và nhận hàng về kho của Công ty F quận S1, Đà Nẵng. T3 gọi điện cho Lê Viết V báo số lượng Container hàng được nhập về để V đến nhận.

Với cách thức nhập hàng như trên, từ tháng 6/2017 đến cuối tháng 10/2017 Công ty HDP đã 10 lần làm thủ tục mở tờ khai nhập khẩu cho 11 Container hàng hóa; Công ty GD đã 10 lần làm thủ tục mở tờ khai nhập khẩu cho 15 Container hàng hóa. Theo Đinh Hải T3 và Lê Viết V khai tất cả các Container hàng do hai Công ty trên nhập khẩu đều được đưa vào kho của Công ty F để sang hàng. Trong tờ khai Hải quan thể hiện là hàng máy móc ngành may mới 100% nhưng thực tế bên trong là hàng điện lạnh và điện tử đã qua sử dụng (thực tế không thu được vật chứng nên không có cơ sở để xử lý). Đến tháng 10/2017 sợ bị phát hiện, D bàn với L1 và T3 là ngừng nhập hàng. Sau đó, Tr mua vé máy bay cùng với T đi từ Thành phố Hồ Chí Minh ra Đà Nẵng gặp Nguyễn Quang D, năn nỉ D tiếp tục làm thủ tục nhập khẩu cho 02 Container hàng điện lạnh đã qua sử dụng đã lỡ mua rồi, giờ không nhập về để giao cho khách hàng thì họ sẽ bị phá sản; đồng thời nói với D là sẽ cho thêm D 20 triệu đồng và trả thêm cho T3 thêm 1,5 triệu đồng. D nhận lời và trao đổi với T3 thì được T3 đồng ý.

Vào ngày 20/11/2017, D nhận được vận đơn số 0207000400596 của hãng tàu Evergreen Line báo Công ty GD có 02 Container số hiệu TCNU2894795 và EGSU9067608 lô hàng là máy móc ngành may nhập khẩu từ Nhật Bản về Cảng Đà Nẵng, Việt Nam. Khi nhận được thông báo, D gửi Email cho Bùi Anh H4 (là em họ của D, đang là nhân viên Công ty F) để khai báo Hải quan. H4 dùng máy vi tính của Công ty F để mở tờ khai điện tử số 101718951021, khai hàng hóa là máy may công nghiệp, máy cắt, máy vắt sổ, dập nút công nghiệp, hàng mới 100%, thuế nhập khẩu là 0%, thuế VAT là 10%. Tờ khai Hải quan được phân luồng vàng (chỉ kiểm tra chi tiết hồ sơ và không kiểm tra thực tế hàng hóa) và được làm thủ tục thông quan tại Cảng Tiên Sa, Đà Nẵng. D in hồ sơ gồm Vận đơn (Bill of Lading), hoá đơn (Invoice) và gọi L1 đến giả chữ ký của Nguyễn Cao Cường, giám đốc Công ty GD ký xác nhận sao y và đóng dấu Công ty GD vào các tài liệu này để nộp cho Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Kỳ Hà. Đồng thời ký tên và đóng dấu vào giấy giới thiệu chưa ghi nội dung đưa cho D, để D đưa cho Đinh Hải T3 làm thủ tục nhập hàng.

Chiều ngày 22/11/2017, Đinh Hải T3 đưa giấy giới thiệu của Công ty GD và bộ hồ sơ hải quan để Nguyễn Nhật D, nhân viên Công ty F đến hãng tàu Evergreen Line làm thủ tục thuê container và làm lệnh dỡ hàng, sau khi có Lệnh dỡ hàng, Đông gọi điện cho Phạm Nguyễn Tiến H2 lái xe ô tô đầu kéo biển số 43C-112.60 đến Cảng Đà Nẵng chở Container số hiệu EGSU9067608 và gọi cho Đoàn Công Dương (sinh năm 1989, trú tổ 13B, phường Thọ Quang, quận S1, Đà Nẵng - là đối tác vận chuyển của Công ty F) điều khiển xe ô tô BKS 43C-039.70 đến Cảng Đà Nẵng chở Container số hiệu TCNU2894795 về kho của Công ty F. Đinh Hải T3 gọi điện thoại thuê nhóm công nhân bốc vác do ông Võ Văn Em (sinh năm 1968, phường A, quận S1, Đà Nẵng) làm nhóm trưởng cùng 07 người khác đến bốc vác sang hàng từ Container sang các xe tải. Nguyễn Đình T ra Đà Nẵng kiểm tra hàng, gặp T3 trao đổi việc T3 yêu cầu chuẩn bị tiền để lo cho các cơ quan chức năng khi họ kiểm tra, sau đó cả hai đi ra ngoài quán cà phê để trao đổi công việc.

Vào lúc 20 giờ 10 phút ngày 22/11/2017, khi các công nhân bốc vác đang thực hiện việc sang hàng, thì bị Tổ công tác Phòng phòng chống ma túy và tội phạm, Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng thành phố Đà Nẵng phát hiện số hàng hóa trong các FS Container không đúng với tờ khai, nên lập biên bản tạm giữ lô hàng gồm: 30 tủ lạnh các loại; 165 máy giặt các loại; 51 cục nóng máy điều hòa; 54 cục lạnh máy điều hòa; 59 nồi cơm điện; 07 quạt điện; 14 đàn guitar; 04 loa mini; 02 âm ly. Tại Kết luận số 02/HĐĐGTSTTHS ngày 02/02/2018 Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Đà Nẵng có kết luận lô hàng hóa trên có giá trị là 573.890.000 đồng.

Tại Bản án số 03/2020/HSST ngày 09/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2020/HSPT ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo Nguyễn Quang D, Lê Viết V, Lê Hoài Bảo L1 và Đinh Hải T3 về tội “Buôn lậu”; xác định Hồ Văn Tr và Nguyễn Đình T là chủ mưu, cầm đầu trực tiếp mua hàng điện tử, điện lạnh đã qua sử dụng từ nước ngoài về Việt Nam tiêu thụ.

Ngày 15/10/2021, T bị bắt theo Quyết định truy nã và khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Nguyễn Đình T được Hồ Văn Tr cho biết sẽ nhập hàng lậu là hàng điện tử, điện lạnh đã qua sử dụng từ nước ngoài về Việt Nam qua cửa khẩu Cảng Đà Nẵng sau đó trung chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh để tiêu thụ. Tr nhờ T ra Đà Nẵng gặp trao đổi với Nguyễn Quang D là cán bộ Hải quan để đặt vấn đề giúp sức. T đồng ý, T không góp vốn để mua hàng và không thỏa thuận ăn chia với Tr, mà giữa Tr và T thỏa thuận, T là người giúp Tr gặp gỡ trao đổi với D là cán bộ Hải quan để lo thủ tục Hải quan khi nhập khẩu, liên hệ đơn vị vận chuyển và thuê kho bãi để vận chuyển các Container từ Cảng về sau đó chuyển hàng từ Container sang các xe tải để đem đi tiêu thụ. Đổi lại, T sẽ được Tr lo chi phí vé máy bay đi và về từ Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, ngoài ra khi hàng được nhập về, Tr sẽ cho T được lựa chọn mua các mặt hàng là nồi cơm điện và quạt điện cũ do Tr nhập về với giá rẻ và không phải thanh toán tiền ngay, khi nào T bán xong hàng thì mới thanh toán lại cho Tr.

Hồ Văn Tr khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Nguyễn Đình T sau khi đi Đà Nẵng về nói với Tr là có quen biết anh Nguyễn Quang D. T có trao đổi với anh D cần tìm người thành lập công ty để nhập hàng từ Nhật về bán và nhờ anh D lo mọi thủ tục hải quan để nhập hàng và anh D đồng ý. T có rủ Tr góp vốn làm ăn chung với anh T và anh D. Tr thấy hàng nhập theo anh T nói là máy may và L1 kiện của máy may và có anh D là công chức Hải quan hiểu biết về pháp luật nên đồng ý góp vốn để cho T làm. Khoảng tháng 6/2017 thì T bắt đầu nhập hàng về. Việc nhập hàng hóa như thế nào thì Tr hoàn toàn không biết chỉ giao cho T làm rồi chia tiền lời. Tr nghe T nói khi hàng nhập máy may về do container còn thừa chỗ nên phía chủ hàng có để thêm một ít hàng không có trong hóa đơn (Invoice) nên không có khai báo Hải quan và anh T đã bán số hàng đó đưa cho Tr mấy lần với số tiền khoảng hai mươi triệu (20.000.000đ). Nhập hàng được mấy công thì Tr nghe T nói hàng bị Hải quan phân luồng đỏ, phải kiểm tra thực tế hàng hóa và phải tăng chi phí nhập hàng nên Tr ngưng không tham gia

cùng T nhập hàng nữa.

Khoảng tháng 10/2017, T rủ Tr đi Đà Nẵng chơi thì Tr đồng ý đi với mục đích là tái khám và bốc thuốc tiếp nên khoảng cuối tháng 10/2017 Tr đặt vé máy bay cùng T đi ra Đà Nẵng. Khi ngồi trên máy bay T có nói với Tr là T đã đặt mua 2 công hàng điện tử, điện lạnh cần nhập về nhưng D không muốn giúp T để nhập về nên T nhờ Tr gặp D thì nói giúp. Khi ra Đà Nẵng bốc thuốc xong thì anh T rủ đi nhậu, đến quán nhậu T gọi điện thoại cho D tới. Trong khi ăn nhậu thì T năn nỉ nhờ D giúp đỡ lo thủ tục nhập 2 công hàng mà T đã mua từ Nhật về Việt Nam bán, nếu không giúp thì doanh nghiệp của T sẽ bị phá sản. Nghe vậy, Tr cũng năn nỉ, nói D tìm cách giúp cho T. Lúc đầu D nói không muốn làm nhưng sau đó nghe T và Tr năn nỉ thì D đồng ý giúp. Đến ngày 22/11/2017, Tr có nghe T nói là hàng nhập về bị bắt, còn việc nhập hàng gì và bị bắt như thế nào thì Tr hoàn toàn không rõ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2023/HS-ST ngày 19/4/2023, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: Hồ Văn Tr, Nguyễn Đình T phạm tội “Buôn lậu”.

1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 188; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Hồ Văn Tr 07 (bảy) năm tù. Được trừ thời gian bị tạm giam trước đó là 04 (bốn) tháng 17 (mười bảy) ngày, từ ngày 26/8/2022 đến ngày 13/01/2023. Thời hạn tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 06 (sáu) năm 07 (bảy) tháng 13 (mười ba) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 188; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Đình T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/10/2021.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/4/2023, bị cáo Hồ Văn Tr làm đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt và xin được phạt tiền.

Ngày 25/4/2023, bị cáo Nguyễn Đình T làm đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt vì án sơ thẩm xử nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hồ Văn Tr và Nguyễn Đình T, người bào chữa của bị cáo T, Tr vẫn giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo cho rằng, hình phạt sơ thẩm xử quá nặng đối với hành vi của các bị cáo, bản thân các bị cáo có nhân thân tốt, đều là trụ cột, lao động chính trong gia đình nên mong muốn có sự khoan hồng của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, luận cứ bào chữa của luật sư, lời khai của bị cáo và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận của các bị cáo, người bào chữa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Nẵng quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2]. Về tội danh: để nhập lậu hàng điện tử, điện lạnh đã qua sử dụng về Việt Nam bán kiếm lời, Hồ Văn Tr và Nguyễn Đình T đã thuê Nguyễn Quang D, Lê Viết V, Lê Bảo Hoài L1, Đinh Hải T3 thực hiện các công việc: thành lập doanh nghiệp nhậu khầu, tìm nơi thực hiện việc nhập hàng, vận chuyển hàng về kho, cất giữ và bốc dỡ hàng hóa để vận chuyển đi nơi khác tiêu thụ. Vào lúc 20 giờ 10 phút ngày 22/11/2017, Tổ công tác Phòng phòng chống ma túy và tội phạm, Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng thành phố Đà Nẵng đã phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ lô hàng hàng điện tử, điện lạnh đã qua sử dụng gồm: 30 tủ lạnh các loại; 165 máy giặt các loại; 51 cục nóng máy điều hòa; 54 cục lạnh máy điều hòa; 59 nồi cơm điện; 07 quạt điện; 14 đàn guitar; 04 loa mini; 02 âm ly nhưng khai báo hải quan là loại hàng máy móc may công nghiệp mới 100% với tổng trị giá 573.890.000 đồng.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử Hồ Văn Tr, Nguyễn Đình T phạm tội “Buôn lậu” theo quy định điểm a khoản 3 Điều 188 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét tính chất hành vi và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của Hồ Văn Tr và Nguyễn Đình T thì thấy:

[2.1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Tr, T thừa nhận toàn bộ hành vi của mình và xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo xuất phát từ áp lực mưu sinh vì các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình. Bị cáo T cho rằng sau khi phạm tội, gia đình bị cáo rơi vào hoàn cảnh khó khăn: vợ chồng ly hôn, bị cáo phải chăm lo cho 02 con nhỏ nên cần có sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo sớm cải tạo tốt về chăm lo cho các con.

Bị cáo Tr cho rằng bị cáo chỉ có vai trò đồng phạm, đã tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; hiện bị cáo đang nuôi 04 con nhỏ, bản thân bị bệnh tiểu đường tuyp 2, vợ bị cáo sau khi sinh đứa con sau cùng thì cùng thường xuyên bị bệnh cần người chăm sóc, hỗ trợ nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

[2.2]. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy các bị cáo T, Tr phạm tội trong vụ án này với vai trò người đứng ra bỏ tiền mua hàng điện tử cũ từ nước ngoài, thuê những bị cáo khác là Nguyễn Quang D, Lê Viết V, Lê Bảo Hoài L1 và Đinh Hải T3 thực hiện các thủ tục thông quan và nhập hàng. Mục đích của các bị cáo là kiếm lời từ việc bán hàng điện tử cũ tại Việt Nam nhưng mặt hàng này hiện nay không được phép nhập khẩu nên các bị cáo mới thực hiện hành vi nhập lậu. Hội đồng xét xử nhận thấy, với tính chất, vai trò và hành vi như vậy thì cần có hình phạt tương xứng với tính chất hành vi của các bị cáo để răn đe và phòng ngừa chung.

[2.3]. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo T, Tr không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bản thân các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai, ăn năn hối cải; bị cáo Hồ Văn Tr khắc phục thêm số tiền 20.000.000 đồng; tang vật của vụ án đã bị bắt giữ và chưa lưu thông ra thị trường nên không để lại hậu quả nghiêm trọng. Do đó, bị cáo Hồ Văn Tr được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Đình T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[2.4]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của Nguyễn Đình T, Hồ Văn Tr: tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và mong Hội đồng xét xử đưa ra phán quyết thật sự khoan hồng, tạo điều kiện cho các bị cáo được yên tâm cải tạo tốt. Xét thấy, các bị cáo T, Tr là lao động chính và nguyên nhân phạm tội xuất phát từ nhu cầu mưu sinh, áp lực cuộc sống cần làm ra tiền để nuôi con nên mới thực hiện hành vi xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Tổng số hàng nhập lậu trị giá 573.890.000 đồng gần bằng với mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 188 của Bộ luật Hình sự (500.000.000 đồng). Ngoài ra, cũng trong cùng vụ án này những bị cáo đã bị xét xử trước là Nguyễn Quang D, Đinh Hải T3, Lê Viết Vượng và Lê Bảo Hoài L1 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt từ 3 đến 4 năm tù (Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2020/HS-ST ngày 09/01/2020) và tại Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2020/HS-PT ngày 16/6/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cũng đã giảm nhẹ 06 tháng tù đối với bị cáo Đinh Tiến Hải và cho bị cáo Lê Bảo Hoài L1 được hưởng án treo nên mức hình phạt 07 năm tù đối với bị cáo Nguyễn Đình T, Hồ Văn Tr là nặng.

Nhận thấy, với tổng giá trị số tiền phạm tội và tính chất hành vi như đã phân tích trên; các bị cáo T, Tr đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự và xử dưới khung hình phạt cũng đủ răn đe đối với các bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giảm cho cả 2 bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo yên tâm cải tạo tốt, sớm trở về với gia đình chăm sóc nuôi nấng các con, đồng thời cũng thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[3]. Đối với vật chứng của vụ án đã được xem xét giải quyết tại Bản án số 03/2020/HS-ST ngày 09/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nên không đề cập đến.

[4]. Đối với số tiền 200.000.000 đồng (tiền đặt để áp dụng biện pháp đặt tiền đảm bảo đối với bị cáo Hồ Văn Tr) sẽ được Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết theo quy định về việc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp đặt tiền bảo đảm khi bản án phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật theo Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 07/8/2018.

[5]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do các kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt được chấp nhận nên bị cáo Hồ Văn Tr, Nguyễn Đình T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình T, Hồ Văn Tr, giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo. Đề nghị này phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 của Điều 355; Điều 357 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồ Văn Tr, Nguyễn Đình T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2023/HS-ST ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần hình phạt đối với các bị cáo Hồ Văn Tr, Nguyễn Đình T.

1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 188; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: **Hồ Văn Tr 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Buôn lậu”. Được trừ thời gian bị tạm giam trước đó là 04 (bốn) tháng 17 (mười bảy) ngày, từ ngày 26/8/2022 đến ngày 13/01/2023. Thời hạn tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 04 (bốn) năm 01 (một) tháng 13 (mười ba) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 188; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: **Nguyễn Đình T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Buôn lậu”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/10/2021.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Hồ Văn Tr, Nguyễn Đình T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT - Công an TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an TP. Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CA TP. Đà Nẵng;
- (T/đ: cho bị cáo T)
- Bị cáo Tr; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Tấn Hoàng